

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 14/9/2026

"V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi
con chung khi ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngoan.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Dương
2. Bà Nguyễn Thị Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lan - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuỳ Linh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 9 năm 2026 tại phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 8 - Nghệ An xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 246/2026/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 06 năm 2026 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 130/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 08 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 106/2026/QĐST-HNGĐ ngày 28/08/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị N**, sinh ngày 12 tháng 5 năm 1984

CCCD số: 030184020355 do **Bộ C** cấp ngày 26/12/2024.

Nơi ĐKTT và chỗ ở hiện nay: **Thôn A, xã N, thành phố Hải Phòng**; (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: **Anh Đào Minh T**, sinh ngày 20/07/1980;

CCCD số: 040080012392

Nơi ĐKTT và chỗ ở hiện nay: **Xóm S, xã N, tỉnh Nghệ An** (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị **Phạm Thị N** trình bày:

+ Về hôn nhân: Chị và anh Đào Minh Thuận kết hôn vào ngày 25/03/2008, đăng ký kết hôn tại **UBND xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An** (nay là **UBND xã N, tỉnh Nghệ An**); hôn nhân dựa trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau không hạnh phúc, do anh **T** không quan tâm đến gia đình, vợ con; vì con chỉ đã cố gắng để xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng anh **T** không thay đổi, mâu thuẫn trầm trọng nhất là vào năm 2018, nên chị phải đưa hai con về Hải Phòng làm

ăn, sinh sống, anh **T** đã chặn liên lạc của chị và các con, chấm dứt mọi quan hệ cho đến nay dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm, không có khả năng đoàn tụ, nên chị có nguyện vọng được Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Đào Minh T.**

+ Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là **Đào Thị Minh Á**, sinh ngày 25/08/2009; **Đào Thị Tú A**, sinh ngày 04/03/2015; không nuôi con nuôi, không ai có con riêng; chị **N** xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung theo như nguyện vọng của các con, không yêu cầu anh **T** phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung, nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Chị xin chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

*Tài liệu, chứng cứ chị **N** đã giao nộp để chứng minh cho yêu cầu của mình gồm:* Đơn xin ly hôn (bản gốc); Trích lục kết hôn (bản sao); Căn cước công dân (bản sao công chứng); Xác nhận thông tin về cư trú (01 Bản chính); Giấy khai sinh các con (Bản sao); Đơn đề nghị không tiến hành hoà giải (bản chính); Biên lai nộp tiền tạm ứng án phí.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại Ban cán sự **xóm H, xã N, tỉnh Nghệ An** nơi anh **T** cư trú đã xác định: Anh **T** là công dân của xóm, hiện tại không có mặt tại địa phương, đi làm ăn trong miền nam, địa chỉ cụ thể thì BCS không biết. Tuy nhiên anh **T** thường xuyên về nhà thăm gia đình khi có công việc. Trước đây chị **N** và anh **T** có sinh sống tại địa phương, nhưng thời gian gần đây chị **N** đã đưa hai con về quê ngoại, nguyên nhân mâu thuẫn địa phương không biết. Quá trình chăm sóc con chung khi chị **N**, anh **T** sinh sống tại địa phương thì không có hành vi bạo lực với con.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo cho anh **T** biết nội dung chị **N** yêu cầu giải quyết ly hôn, đồng thời tổng đạt và niêm yết các tài liệu, giấy triệu tập cho anh **T** theo quy định, nhưng anh **T** không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án và có gửi tin nhắn qua Zalo đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Các tài liệu chứng cứ do Tòa án nhân dân khu vực 8 – Nghệ An thu thập gồm: Biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân; người đang trực tiếp nuôi con, nguyên nhân tranh chấp tại địa phương đối với chị **N** và anh **T**; xác minh về việc anh **T** vắng mặt tại địa phương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Nghệ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký: Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Đúng thành phần, đúng quy định từ khi mở phiên toà cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71 - BLTTDS. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 BLTTDS.

Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử Áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 - Luật Hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đề nghị :

Về tình trạng hôn nhân: Chấp nhận cho chị **Phạm Thị N** được ly hôn với anh **Đào Minh T**.

Về con chung: giao cho chị **Phạm Thị N** trực tiếp chăm sóc, giáo dục 02 con chung của chị **N**, anh **T** là **Đào Thị Minh Á**, sinh ngày 25/08/2009; **Đào Thị Tú A**, sinh ngày 04/03/2015 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành.

- Về cấp dưỡng nuôi con: chị **N** không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

Anh **T** có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về án phí: buộc chị **N** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Chị **Phạm Thị N** yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 8 - Nghệ An giải quyết ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn với anh **Đào Minh T**; anh **T** hiện đăng ký thường trú tại **xóm H, xã N, tỉnh Nghệ An**. Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Nghệ An.

Nguyên đơn chị **Phạm Thị N** đã có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ điểm a, d khoản 2 Điều 227 - BLTTDS Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn; bị đơn anh **Đào Minh T** đã được Toà án triệu tập đến phiên toà hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về nội dung:*

[2.1]. *Về quan hệ hôn nhân:* Hôn nhân giữa chị **N** và anh **T** được xác lập trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo các điều kiện kết hôn nên hợp pháp.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo chị **N** nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh **T** không có trách nhiệm với gia đình, vợ con, dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm, đã sống ly thân từ lâu nên chị có nguyện vọng được Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **T**. Đối với anh **T** đã nhắn tin qua Zalo đề nghị Tòa án giải quyết cho chị **N** được ly hôn đơn phương nên đủ cơ sở để xác định được chị **N** và anh **T** có mâu thuẫn, đã sống ly thân, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị **N**

được ly hôn với anh **T** như lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Nghệ An là có căn cứ.

[2.2]. *Về nuôi con chung*: Chị **N** có nguyện vọng nuôi hai con chung và không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng. Quá trình Toà án thu thập chứng cứ đã xác định được hai con chung đang ở với chị **N**; thu nhập của chị **N** từ mười ba đến mười lăm triệu đồng một tháng đảm bảo các điều kiện nuôi con. Để đảm bảo điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, quyền và lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, cần giao hai con chung cho chị **N** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành theo quy định tại các Điều 58; 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Nghệ An là phù hợp.

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Chị **N** không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[2.4]. *Về chia tài sản*: Chị **N** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Các đương sự có quyền khởi kiện khi có yêu cầu.

[2.5]. *Về án phí*: Buộc chị **Phạm Thị N** phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b, d khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 271 và Điều 273 - Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của chị **Phạm Thị N**; cho chị **Phạm Thị N** được ly hôn anh **Đào Minh Thuận**.

2. *Về nuôi con chung*:

2.1. Giao cho chị **Phạm Thị N** được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng hai con chung của chị **N** và anh **T** là **Đào Thị Minh Á**, sinh ngày 25/08/2009; **Đào Thị Tú A**, sinh ngày 04/03/2015 cho đến lúc con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành.

2.2. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị **N** không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.3. Anh **T** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở.

2.4. Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về chia tài sản:* Chị **N** không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. *Về án phí:* Chị **Phạm Thị N** phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà chị **N** đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0004561 ngày 15/06/2026, tại Thi hành án **dân tỉnh N** (chị **N** đã nộp đủ tiền án phí).

Các đương sự đều vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 8 – Nghệ An;
- THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Nghĩa Lộc, tỉnh Nghệ An (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ngoan

